

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa****Tập 105****Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không****Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa****Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang một trăm hai mươi bốn, coi từ hàng cuối cùng.

*“Dĩ Định Huệ lực, hàng phục ma oán. Thử nhị cú diệt tự Đường dịch, thị đệ ngũ tướng chi hàng ma. Ma giả, Phạn ngữ Ma La chi lược xưng. Thử phiên Chương Ngại, năng vị tu đạo tác chương ngại cố. Hựu phiên Sát Giả, hại nhân thiện cố. Hựu Thường Hành Phóng Dật, đoạn huệ mạng cố. Hựu phiên Ác Giả, đa ái dục cố”* (“Dùng sức Định Huệ, hàng phục ma oán”: Hai câu này cũng trích từ bản Đường dịch, là tướng thứ năm, tức hàng ma. Ma là nói tắt của chữ Ma La trong tiếng Phạn. Cõi này dịch là Chương Ngại vì nó có thể gây chương ngại cho sự tu đạo. Lại dịch là Sát Giả (kẻ giết) vì làm hại điều lành của con người. Lại dịch là Thường Hành Phóng Dật vì đoạn huệ mạng. Lại dịch là Ác Giả (kẻ ác) vì nhiều ái dục). Chúng ta đọc tới chỗ này. Đức Thế Tôn xuất hiện trên thế gian, vì giáo hóa hết thấy chúng sanh, lại thị hiện hàng ma. Phật chẳng có ma, mà Bồ Tát cũng chẳng có ma nạn, nhưng phàm phu thì có. Ma do đâu mà có? Một là phiền não, thứ khác là thiên ma. Thiên ma bao gồm tất cả những thứ chương nạn trên đường Bồ Đề, những thứ ấy đều thuộc loại thiên ma. Hai câu này đều trích từ kinh văn hội [Vô Lượng Thọ] Như Lai của kinh Đại Bảo Tích, nói về tướng thứ năm. Chữ Ma (魔) này, quý vị thấy nguyên gốc trong các bản kinh sách xưa là chữ Ma (磨) như trong Chiết Ma (hành hạ, vùi dập), phía dưới [chữ Ma] không phải là chữ Quỷ (鬼), mà là chữ Thạch (石), tức tảng đá, tức là chữ Ma (磨) trong Chiết Ma (折磨). Lương Võ Đế là một Phật giáo đồ kiên thành, thật sự toàn tâm toàn lực hộ trì Phật môn. Chữ này do nhà vua tạo ra. Nhà vua nói Chiết Ma quá đáng sợ, giống như ma quỷ, nên thay chữ Thạch bằng chữ Quỷ. Tiếng Phạn là Ma La (Māra), người Hoa chuộng đơn giản, bèn lược bỏ âm cuối, rút gọn, nên gọi bằng một chữ Ma. Chữ ấy dịch sang nghĩa tiếng Hán là Chương Ngại vì nó có thể chương ngại người tu đạo. Nói theo Phật pháp, nó chuyên môn tạo ra các thứ chương ngại đối với người tu hành; đó là ý nghĩa “vùi dập”. Lại dịch là Sát Giả, vì sao? Gây hại cho điều lành của người ta. Luôn ngăn trở người ta hành thiện, đây cũng là chương ngại, khiến cho việc thiện của người khác chẳng thể thành tựu, ma thường làm những chuyện ấy. Lại còn dịch là Thường Hành Phóng Dật vì đoạn huệ mạng, biếng nhác, tán loạn, nên chẳng thể nghiêm túc tu đạo, khiến cho đạo nghiệp của quý vị chẳng thể thành tựu, [đó là] “đoạn trí huệ mạng”. Trong chữ Ma có những ý nghĩa ấy. Lại dịch là Ác Giả, vì Ma có nhiều ái dục, tình chấp rất nặng, đều là nhân duyên chương đạo.

Trong hết thấy các kinh, kinh Đại Thừa hay Tiểu Thừa đều thường nói đến Tứ Ma, tức bốn loại Ma, “ma loại tứ chủng” (ma có bốn loại). Trong Tịnh Ảnh Sớ, đây là tác

phẩm chú giải kinh Vô Lượng Thọ, nói đến bốn loại ma đều là những loại thường được các kinh nhắc tới:

1) Loại thứ nhất là “*Phiền Nã Ma, vị tham sân đăng, năng hại thiện pháp*” (Phiền Nã Ma, có nghĩa là tham, sân v.v... có thể làm hại thiện pháp). Chúng ta hãy suy nghĩ, chẳng phải là [những thứ] bên ngoài, mà chính là tham, sân, si của chúng ta, kinh gọi ba thứ ấy là Tam Độc. Các phiền nã như tham, sân v.v... còn gọi là Ma. Tham, sân, si đều là Ma, ở đây nói “*tham, sân*”, sau đó có chữ Đăng. Chữ Đăng nhằm nói đến sáu Căn Bản Phiền Nã, tức là tham, sân, si, mạn, nghi, và ác kiến. Ác kiến là kiến giải sai lầm, đó là Phiền Nã Ma. Nếu chẳng thể buông phiền nã xuống, đạo nghiệp chẳng thể thành tựu. Vì thế, xưa, nay, trong ngoài nước, bao nhiêu người tu hành, kể tu hành đông đảo, có mấy ai thành tựu? Vì sao chẳng thể thành tựu? Tu hành nửa chừng ngã lòng, vì sao ngã lòng? Tập khí phiền nã quá nặng, tất nhiên là ngã lòng! Nếu chẳng triệt để buông xuống những phiền nã ấy, đến cuối cùng, nó sẽ khởi tác dụng, xóa sạch toàn bộ công sức của người tu hành, hết sức đáng tiếc. Cần phải trừ bỏ cội rễ của phiền nã, phải trừ bỏ tâm tham tận gốc rễ. Chẳng phải là thay đổi đối tượng! Có những kẻ chẳng hiểu rõ, đối với tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ trong thế gian đã buông xuống, chẳng tham, nhưng như thế nào? Tham Phật pháp, tham luyện Phật, Bồ Tát, vẫn chưa được! Vẫn là tham. Đức Phật dạy chúng ta đoạn tham, sân, si, chẳng bảo chúng ta thay đổi đối tượng, nhất định phải biết điều này. Tham tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ trong thế gian là bất thiện pháp, nhưng đối với thiện pháp cũng chớ nên tham, Đức Phật bảo chúng ta đoạn tâm tham, phải ghi nhớ: Tuyệt đối chẳng phải là bảo chúng ta thay đổi đối tượng [của tâm tham].

Sân khuê cũng phải đoạn. Nếu chẳng đoạn sân khuê, chẳng thể tháo gỡ sự ràng buộc của oán thân trái chủ được! Sân khuê đã đoạn, không chỉ là hóa giải hiện tiền oán thân trái chủ rất dễ dàng, mà vấn đề oán thân trái chủ từ vô lượng kiếp đến nay cũng có thể giải quyết. Con người chớ nên có tâm tham, đừng nên có tâm sân khuê. Khoa mục tu học của Bồ Tát gồm sáu môn, sáu môn ấy được gọi là Lục Ba La Mật, sáu môn ấy là gì? Sáu môn nhằm đoạn phiền nã, mà cũng nhằm xa lìa ma chướng. Vì sao Bồ Tát tu bố thí? Chủ yếu nhằm đoạn tham lam, keo kiệt, nên thí xả. Thí xả cũng là buông xuống. Tiếng tăm, lợi dưỡng, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ đều phải buông xuống. Chúng ta là phàm phu, những tập khí phiền nã như vậy rất nặng, buông xuống ngay lập tức há dễ dàng ư? Nói thì đơn giản, chứ buông xuống quả thật chẳng dễ dàng, nhưng chẳng thể không buông xuống! Không buông xuống, sẽ khó đi được nửa bước trên đường Bồ Đề, quý vị chẳng có cách nào tiến lên, vì những thứ ấy buộc ràng, vướng víu. Do vậy, học theo Bồ Tát tu bố thí, khiến cho quý vị dần dần học buông xuống. Căn tánh của mỗi cá nhân chúng ta khác nhau, có người coi Tài rất nặng. Trước hết, quý vị hãy bố thí tài, buông thứ ấy xuống, sẽ dễ buông những thứ khác. Có người rất coi trọng danh vọng, háo danh, trước hết, hãy buông xuống phiền nã nghiêm trọng nhất, trước tiên hãy đối trị nó. Giống như chữa bệnh, trên thân người ấy có rất nhiều chứng bệnh, bệnh nào nghiêm trọng nhất có thể khiến cho người ấy mất mạng thì phải trị trước, chữa lành căn bệnh ấy. Tiếp đó, lại thông thả chữa trị những căn bệnh khác, những căn bệnh nhẹ hơn, chẳng quá mức nghiêm trọng. Do vậy, bản thân chúng ta phải nghĩ: Đối với tiếng tăm, lợi dưỡng, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, thứ nào nghiêm trọng thì hãy thực hiện [đối trị] từ nơi nghiêm trọng đó, phải thật sự đối trị.

Có khá nhiều người tu học hết sức khó khăn, hỏi tôi phải nên làm sao? Kẻ mới học chẳng ngại điều chỉnh và chuyển biến những thứ chúng ta yêu, ghét, so ra sẽ dễ dàng hơn!

Cổ nhân có một câu nói rất hay: “*Thế vị na hữu pháp vị nùng*” (ý vị thế gian chẳng nùng bằng pháp vị), đã ban cho chúng ta một khái thị rất lớn. Tư vị của Ngũ Dục Lục Trần thế gian dường như đem lại sự sung sướng cho con người, nhưng sự sung sướng ấy là giả! Chúng ta hãy lắng lòng quan sát, tư duy, sẽ nhận ra sự vui sướng ấy giống như gì? Giống như hút thuốc phiện, chích morphine, hưởng thụ xong, cái được chẳng bù nổi cái mất, ném được một chút ngọt ngào, phải trả một giá quá lớn, chẳng đáng! Quý vị lắng lòng quan sát sẽ thấy chẳng đáng! Trong y học Trung Quốc còn nói nhiều hơn nữa, tồn thất là gì? Tồn thương thân thể, đức hạnh bại hoại, bại hoại luân lý, đạo đức, chẳng giả tí nào! Thoạt nhìn, ta thấy những thứ ấy đúng là Ma, chẳng phải giả, không phải là những thứ tốt lành. Cứ khăng khăng kết bạn với chúng, khăng khăng chẳng thể lìa bỏ chúng, đạo nghiệp của quý vị làm sao thành tựu cho được? Cổ nhân tốt hơn người hiện thời, vì cổ nhân đã học từ nhỏ, học tập giáo huấn của thánh hiền, phòng ngừa, ngăn chặn, đã biết đề phòng từ bé, chẳng dưỡng thành thói quen xấu xa. Đọc sách thánh hiền, ý vị ném được từ sách thánh hiền gọi là “*pháp vị*”. Quý vị đọc Luận Ngữ của Nho gia, câu đầu tiên trong Luận Ngữ là: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (học rồi tập tành, cũng chẳng vui sao), niềm vui ấy được gọi là pháp vị. Học tập thánh hiền, sau khi học xong, đều có thể áp dụng những đạo lý và giáo huấn đã học vào cuộc sống hằng ngày của chính mình, vận dụng toàn bộ. Con người hiện thời gọi [chuyện này] là “*học linh hoạt, vận dụng sống động*”. Trong ấy có nỗi vui sướng, đó là “*bất diệc duyệt hồ*” (cũng chẳng vui sao?) Niềm vui sướng như thế chẳng do các kích thích bên ngoài, chẳng phải là tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, chẳng phải là những thứ ấy, những thứ ấy là kích thích bên ngoài, còn những niềm vui sướng như vậy phát xuất từ trong nội tâm.

Nhất là trong Phật pháp, tại Trung Quốc vào thời cổ, nói đến Tam Giáo, Giáo ở đây chẳng phải là tôn giáo, mà là ba thứ giáo huấn của thánh nhân. Nho lấy Khổng Mạnh làm đại biểu, Đạo lấy Lão Trang làm đại biểu, Phật lấy Thích Ca Mâu Ni Phật làm đại biểu, đó là các vị thánh nhân trong Tam Giáo. Tam Giáo đều có thể đem lại pháp lạc và pháp hỷ cho quý vị. Nhà Phật nói “*pháp hỷ sung mãn*”, quý vị có thể đạt được niềm hỷ duyệt từ trong kinh giáo, có thể đoạn trừ Ngũ Dục, Lục Trần thế gian, vì sao? Quý vị biết những thứ ấy bất hảo, trong ấy có độc, chẳng thanh sạch. Giáo huấn từ sách vở của thánh nhân tốt đẹp, trong ấy chẳng có chất độc, có thể giúp chúng ta tăng tấn, giúp chúng ta mở mang trí huệ, giúp chúng ta thành tựu đức năng, thành tựu tướng hảo. Do vậy, Phật pháp nói “*pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ*” là do chỗ này! Học Phật mà chưa thể học được “*thường sanh tâm hoan hỷ*” thì có thể nói là còn cách xa đạo, chưa ném được ý vị. Khi ném được ý vị, sẽ là pháp hỷ sung mãn. Tôi chẳng đọc báo, mà cũng không xem TV, đại khái là chẳng dính dáng đến các phương tiện thông tin ước chừng năm mươi năm. Do vậy, người khác hỏi tôi, tôi luôn bảo là tốt lắm, thiên hạ thái bình, chẳng có chuyện gì, tôi đều chẳng biết! Nhưng cũng có những đồng học hảo tâm, cho tôi biết những tin tức quan trọng, tin tức quan trọng là gì? Tai nạn! Khắp nơi đều có tai nạn. Quá nửa là các đồng học đọc từ Internet, hạ tải (download) đem cho tôi xem! Không biết, đúng là tốt, do không biết nên mỗi ngày thiên hạ thái bình. Đã biết thì sao? Thiên hạ vẫn là ngày ngày thái bình. Vì sao? Chúng ta mỗi ngày sống theo Phật pháp. Nếu rời khỏi Phật pháp, trông thấy những trạng

huống đó, tự nhiên quý vị lo nghĩ, kinh hãi. Sau khi đã đạt được pháp hỷ, trông thấy những vấn đề ấy, quả thật là giống như thấy mộng, huyền, bọt, bóng! Đối với Sự Lý, nhân quả trong ấy, nếu các đồng học học Phật khế nhập kinh tạng đôi chút, trong tâm sẽ hiểu rõ vì sao có những tai nạn ấy xuất hiện. Sau khi tai nạn xuất hiện, có biện pháp hóa giải nó hay không? Hiểu rõ ràng, minh bạch, nghe xong, hiểu được, chính mình càng thêm bội phần đoạn ác, tu thiện, tích lũy công đức, thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Do vậy, những tin tức ấy có lợi cho chúng ta, chẳng có hại, chúng đốc thúc chúng ta quyết định phải có thành tựu trong một đời này!

Có đồng tu đem lời tiên đoán của người Maya về năm 2012 kể với tôi, lại còn đưa đĩa CD cho tôi xem, tôi thật sự coi, coi hơn hai mươi lần. Coi xong, tôi nói với các đồng học: Chúng ta niệm Phật nhằm chuẩn bị vãng sanh khi nào? Năm 2012! Chúng ta chẳng muốn thấy tai nạn, chúng ta có bản lĩnh trước khi tai nạn bùng nổ bèn sang thế giới Cực Lạc, di dân sớm một chút! Lại thưa cùng quý vị, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là ra đi khi còn sống, chẳng phải là chết rồi mới đi, đã chết sẽ không đi được! Phải biết điều này! Người vãng sanh lúc sắp ra đi, đầu óc sáng suốt, thấy A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, già biệt người nhà, quyến thuộc, bạn bè: “Tôi ra đi, quý vị hãy gắng tu hành để cũng thành tựu, tương lai gặp lại nhau trong thế giới Cực Lạc. Nếu tu chẳng tốt đẹp thì sao? Trong tương lai, quý vị đọa trong ác đạo, tôi thành Phật trong thế giới Cực Lạc, sẽ đến giúp đỡ quý vị, tôi trở lại độ quý vị”. Tinh táo, sáng suốt, minh bạch, chẳng có mảy may ưu lự, kinh hãi nào, đây là lợi ích hiện tiền do Phật pháp ban cho chúng ta. Nếu chúng ta chẳng hiểu sự lý, nhân quả, sẽ chẳng có “không kinh hoàng, chẳng sợ hãi”, kèm thêm những tin tức xấu. Người học Phật đem lại những tin tức tốt, chẳng phải là tin tức xấu, khiến cho chúng ta vãng sanh cũng có thể chắc chắn biết trước lúc mất, ta có thể ra đi khi nào. Hiểu rõ ràng, minh bạch, các chướng ngại chẳng ngăn trở được!

Do vậy, học Phật là học gì? Học buông xuống. Thuở còn trẻ, người xuất gia tôi gặp gỡ đầu tiên là Chương Gia đại sư, tôi gặp gỡ lão nhân gia. Tôi thỉnh giáo Ngài, thưa: “Con biết Phật pháp thù thắng, Phật pháp tốt đẹp, có phương pháp nào khiến cho chúng ta có thể rất nhanh chóng khế nhập hay không?” Lão nhân gia bảo tôi: “Có phương pháp”. “Phương pháp gì ạ?” “Nhìn thấu suốt, buông xuống”. Tôi thật sự tiếp xúc Phật pháp, tiếp xúc người xuất gia, ngày đầu tiên, Ngài dạy tôi phương pháp ấy. Phương pháp ấy là bí quyết chân thật. Học vài chục năm mới thật sự hiểu thấu: Phạm phu thành Phật từ sơ phát tâm cho đến địa vị Như Lai đều do phương pháp này! Thấy thấu suốt giúp quý vị buông xuống, buông xuống lại giúp quý vị thấy thấu suốt. Hai phương pháp ấy giúp đỡ lẫn nhau thành tựu mãi cho đến khi thành Phật. Cuối cùng, quý vị thấy Bồ Xứ Bồ Tát, chúng ta thấy trong địa vị ấy, đoạn trừ một phẩm sanh tướng vô minh cuối cùng, buông xuống như vậy, thành tựu viên mãn, đó là bí quyết thành Phật. Thầy tốt lắm, chẳng giấu giếm mảy may nào, chúng tôi hỏi, thầy thật sự dạy rõ ràng. Nếu quý vị chẳng chịu buông xuống thì trật mất rồi, vì sao phải buông xuống? Sau này thâm nhập kinh tạng, từ kinh giáo Đại Thừa tôi thấy: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Nếu đã là hư vọng, chớ nên chấp trước, phải nên buông xuống, chẳng có ngoại lệ. Ngay cả cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai cũng chẳng phải là ngoại lệ. Kinh Kim Cang dạy: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, chẳng nói cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Như Lai là ngoại lệ, chẳng nói lời ấy. Do chẳng nói, chúng ta bèn hiểu cõi Thật Báo Trang Nghiêm cũng là hư vọng.

Qua nhiều năm ngàn ấy, hiện thời kể như chúng tôi đã hiểu rõ, minh bạch, cõi Thật Báo do đâu mà có? Do tập khí vô thi vô minh biến hiện. Nếu chẳng có tập khí vô thi vô minh, cõi Thật Báo Trang Nghiêm sẽ chẳng có. Sau khi chẳng có thì là cảnh giới gì? Trong Tịnh Độ Tông, [cảnh giới ấy] được gọi là Thường Tịch Quang Tịnh Độ hiện tiền. Thường Tịch Quang là tự tánh, là chân tâm bản tánh của chính mình, bất sanh, bất diệt, nên mới vĩnh hằng, điều gì cũng chẳng có, nhưng nó có thể hiện ra vạn pháp. Chẳng phải là Huệ Năng đại sư khi minh tâm kiến tánh đã nói rồi đó ư? Câu cuối cùng “*nào ngờ tự tánh, có thể sanh vạn pháp*”. Cảnh giới ấy mới thật sự là đại tự tại, thật sự chứng đắc “khấp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể”, tức Pháp Thân. Chứng đắc cảnh giới ấy, trong giáo pháp Đại Thừa quý vị được gọi là Pháp Thân Bồ Tát, quý vị chẳng còn coi [cái thân xác thịt này] là thân, mà gì mới là thân? Toàn thể hư không thể giới là thân của ta. Pháp Thân bất sanh, bất diệt. Thân [máu thịt] này có sanh, có diệt. Có sanh có diệt là giả; bất sanh, bất diệt là thật. Vì vậy, chẳng thể không đoạn phiền não, đoạn như thế nào? Khai trí huệ bèn đoạn. Quý vị thấy đức Phật sử dụng phương pháp, tức ba loại phương pháp Giới, Định, Huệ. Giới nhằm dạy quý vị không chế phiền não, không chế tập khí phiền não là trì giới. Đệ Tử Quy là giới, Cảm Ứng Thiên là giới, Thập Thiện Nghiệp Đạo là giới, Tam Quy Ngũ Giới đều là giới. Trước hết, dùng những phương pháp ấy để không chế phiền não. Nhân Giới đắc Định, không chế [phiền não] rất tốt đẹp, khiến cho phiền não tuy khởi tác dụng, nhưng nó có chừng mực, trọn chẳng thể vượt qua chừng mực ấy. Nó có mức hạn chế, chẳng thể vượt qua. Lâu dần, tâm đã định bèn đắc Định. Định là máu chốt trong tu hành Phật pháp.

Giáo pháp Đại Thừa thường nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, hoặc vô lượng pháp môn. Pháp là phương pháp, Môn là môn kính (門徑: đường lối). Những phương pháp, đường lối ấy nhằm tu gì? Toàn là tu Thiền Định, chư vị phải biết điều này. Chúng ta niệm Phật cũng là tu Thiền Định. Dùng phương pháp Niệm Phật, phương pháp trì danh niệm Phật để tu Thiền Định. Nếu phương pháp ấy chẳng phải là tu Thiền Định, sẽ chẳng phải là Phật pháp; nếu phương pháp ấy nhằm tu Thiền Định thì là Phật pháp. Nhân Định khai Huệ, Định đã lâu bèn hoát nhiên đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Đức Phật dùng ba loại phương pháp ấy để giúp đỡ chúng ta, chính Ngài cũng do ba loại phương pháp ấy mà thành tựu, lại còn dùng ba loại phương pháp ấy để dạy chúng ta. Giới là giữ quy củ, chẳng thể không tuân thủ. Không tuân thủ, tâm quý vị chẳng định được, vọng niệm toại bời, phiền phức to lớn. Quan sát kỹ lưỡng kẻ trẻ tuổi hiện thời, chẳng kẻ nào tâm ý không bộp chộp, hời hợt. Kẻ tâm bộp chộp hời hợt chẳng có cách nào tu đạo, dẫu gặp Phật, Bồ Tát thì Phật, Bồ Tát vẫn chẳng thể dạy được, vì sao? Chẳng có cách nào dạy, kẻ ấy chẳng thể tiếp nhận, chẳng thể lãnh ngộ! Hạng người nào dễ dạy? Nhà Phật gọi [hạng người ấy] là “pháp khí”, dễ dạy, lão thành, trung hậu, ôn trọng, người như thế dễ dạy. Quý vị dạy người ấy, người ấy có thể tin, hiểu, làm theo. Gặp được người như vậy, Phật, Bồ Tát chẳng bỏ qua, luôn muốn giúp đỡ, thành tựu người ấy, vì sao? Người ấy có thể thành tựu, có điều kiện thành tựu. Không trọn đủ điều kiện thành tựu, quý vị dạy kẻ ấy sẽ lãng phí thời gian, uổng công! Thời gian lẫn tinh lực đều bị uổng phí. Vậy thì hãy để kẻ ấy lại đó, chờ đến khi nào hấn quay đầu, khi ấy, hấn hội đủ các điều kiện sẽ dạy vẫn chẳng trễ! Vì thế, Phiền Não Ma là tự thân, chẳng đến từ bên ngoài. Những thứ dụ hoặc bên ngoài như tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ đều thuộc loại thứ tư tức Thiên Ma, thuộc về loại ấy. Trong có tham, sân, si, mạn, nghi,

ngoài có dụ hoặc, phiền phức to lớn. Điều này chắc chắn chứng ngại thiện pháp, chúng ta phải hiểu, phải tránh né nó.

2) Loại thứ hai là “*Ám Ma, vị Ngũ Ám thân, cộng tương tôi diệt*” (Ám Ma, tức là thân Ngũ Ám, hủy diệt lẫn nhau), loại này cũng ở trong thân thể của chính mình. Ngũ Ám là gì? Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, nói đúng ra là thân thể hiện tiền của chúng ta. Nhục thân này là sắc pháp, Sắc là nói tới vật chất. Nay chúng ta gọi Sắc là vật chất, nhục thân này là vật chất. Con người ngoài trừ thân thể, còn có tinh thần. Vật chất và tinh thần hòa hợp thành thân thể này. Tinh thần là gì? Thọ, Tưởng, Hành, Thức, nói đến bốn chữ ấy! Thọ (受) là gì? Quý vị có cảm nhận. Người ta khen ngợi quý vị, quý vị vui vẻ, sự vui vẻ ấy là Thọ. Khi người ta chửi quý vị, quý vị nổi cáu, đó cũng là Thọ. Thọ là nói đến sự cảm nhận. Tưởng (想): Sau khi quý vị đã Thọ bèn có vọng tưởng. Vọng tưởng không ngừng, kể cả lúc ngủ vẫn chẳng ngưng dứt, ngủ thì như thế nào? Quý vị nằm mộng. Mộng do đâu mà có? Mộng do vọng tưởng sanh ra. Nếu chẳng có vọng tưởng, lấy đâu ra mộng? Người thiện tâm thường gặp mộng đẹp, nằm mơ những chuyện tốt lành. Kẻ làm chuyện ác, sẽ gặp ác mộng. Tuy những thứ ấy chẳng thật, khi tỉnh giấc chỉ là một giấc mộng, nhưng trong khi nằm mộng, quý vị có cảm nhận, cũng có thể khiến cho quý vị mừng, giận, buồn, vui. Mộng cảnh cũng có thể dẫn phát toàn là phiền não.

Chữ thứ ba là Hành (行), Hành là gì? Hành là chẳng trụ, chẳng ngừng. Rõ rệt nhất là mỗi người chúng ta từ sanh ra cho đến chết đều chẳng ngừng, tinh tấn nhất, chẳng ngừng khác nào, mỗi ngày càng tiến gần tử vong, có sanh ắt có tử. Không phải là mỗi ngày, mà là mỗi phút, mỗi giây, mỗi giây đều chẳng chịu ngừng, đi đến đâu? Điểm kết thúc cuối cùng của sự hạ sanh là phần mộ. Chẳng có ngoại lệ! Ai nấy đều đi theo con đường ấy! Có người hai, ba mươi năm đã đến, cũng có người năm, sáu mươi năm mới đến, trường thọ một chút thì tám, chín mươi tuổi mới tới, chung quy đều phải đến trạm cuối cùng! Nếu nghĩ đến chân tướng sự thật này, đối với pháp thế gian, quý vị sẽ tâm tình nguội lạnh. Tìm đến tôn giáo, tôn giáo nói có thiên đường. Y Tư Lan Giáo nói có “thiên viên”<sup>1</sup>, quý vị rất hâm mộ, [thiên đường] tốt đẹp hơn thế gian này của chúng ta, có thật hay không? Thừa chư vị, thật sự có, chẳng giả tí nào. Vì sao? Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng, thiên viên do tâm tưởng của quý vị sanh ra, nên có thật. Giống như trong thế giới hiện tiền này, thế giới hiện tiền cũng sanh từ tâm tưởng của chúng ta. Vì sao hiện thời thế giới này hỗn loạn, lắm tai nạn như thế? Do tâm tưởng của chúng ta bất thiện, toàn là nghĩ tới tham, sân, si mạn, nghi, toàn nghĩ tới Ngũ Dục, Lục Trần, phản ứng là trạng huống hiện tiền, chúng ta hiểu rất rõ ràng, minh bạch. Nếu quý vị khởi tâm động niệm, trong tâm nghĩ tới nhân nghĩa, đạo đức, lễ nghĩa, liêm sỉ, có những suy nghĩ tốt đẹp ấy, nghĩ tới quốc thái dân an, tai nạn tiêu tan,

---

1 “*Thiên viên*” (天園: vườn trời) là chữ người Hoa dùng để dịch khái niệm Thiên Đường trong đạo Hồi. Đạo Hồi gọi chôn thiên đường là Jannah, nghĩa gốc của chữ này là “vườn”. Kinh Koran mô tả thiên đường đạo Hồi như một khu vườn lớn, sang trọng, đẹp đẽ, châu ngọc tràn ngập, với những thung lũng rợp bóng, những con suối thơm mùi long não, gừng, quế, sông sữa, sông mật, sông rượu, trái cây ngon ngọt, đủ vị, ngựa và lạc đà trắng muốt tung tăng khắp nơi. Ngôi vườn ấy có tám công chính, chia thành nhiều tầng. Tầng cao nhất gọi là Firdaws dành riêng cho đấng tiên tri (Mahomed) và các thánh tử đạo của Hồi giáo.

phước đức đưa đến, thế giới này sẽ biến thành thế giới Cực Lạc, sẽ biến thành thiên đường. Chúng ta phải nhớ kỹ câu kim ngọc lương ngôn sau đây của đức Phật, đó là chân lý: “*Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng*”, trong tâm quý vị nghĩ gì, sẽ hiện ra điều ấy. Nghĩ tới Phật, cảnh giới Phật hiện tiền; nghĩ tới Bồ Tát, cảnh giới Bồ Tát hiện tiền. Con người hiện thời ý niệm chẳng tốt lắm, nghĩ tới gì? Họ nghĩ tới tham, sân, si. Tham, sân, si biến hiện điều gì? Nếu một người niệm niệm đều là tham lam, trong tương lai kẻ ấy sẽ ở trong ngạ quỷ đạo, kẻ ấy vào trong quỷ đạo. Niệm niệm nghĩ tới sân khuê, mỗi ngày suy tính dùng phương pháp gì để chinh hoặc hại kẻ khác, kẻ ấy trong tương lai đi vào địa ngục đạo. Thiên đường và địa ngục đều do con người tưởng ra, chẳng có ai kiến tạo. Bởi thế, tôn giáo bèn nói: “*Thiện nhân có thiện quả, ác nhân có ác báo*”.

Điều cuối cùng trong Ngũ Âm là Thức (識), Thức là gì? Thức là A Lại Da Thức. Theo kinh Phật, Hành được gọi là Mạt Na Thức, Tướng là thức thứ sáu, Thọ là năm thức trước. Thức thứ tám được gọi là A Lại Da. A Lại Da cũng là một cái kho, nên gọi là Tạng Thức, giống như chữ Tạng (藏) trong Tây Tạng (西藏), có nghĩa là cất giấu, giống như một cái kho. Mỗi cá nhân chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, những nghiệp quý vị đã tạo đều chứa trong cái kho tư liệu ấy, đều được bảo tồn trong thức ấy vô cùng đầy đủ, tuyệt đối chẳng bị tổn hoại, hễ gặp duyên, nó sẽ khởi hiện hành. Vì thế, chúng ta có thể nhớ rõ những chuyện đã từng trải qua, là do có một kho tư liệu như thế. Hiện thời, chúng ta tập khí phiền não quá nặng, chẳng thể tùy ý lấy tài liệu từ trong kho tư liệu ra, có những thứ chúng ta chẳng thể rút ra được. Nếu chúng ta có công phu định lực, chẳng cần trí huệ, công phu định lực càng sâu, quý vị có thể thấy tư liệu trong A Lại Da càng nhiều. Thấy quá khứ, mà cũng có thể thấy vị lai, vì sao? Có thể nghĩ tới vị lai! Năm sau còn chưa tới, nhưng ta đã dấy vọng tưởng nghĩ năm sau sẽ như thế nào, trong kho tư liệu đã có những thứ của năm sau. Đó là một cái kho lớn, những thứ trong ấy rất phong phú, toàn bộ các nghiệp đã tạo trong đời đời kiếp kiếp từ vô lượng kiếp đến nay đều tồn trữ trong ấy. Những thứ ấy, khi đã thành Phật, nó sẽ có tác dụng to lớn, chuyển A Lại Da thành Đại Viên Kính Trí. Đại Viên Kính Trí là gì? Không gì chẳng biết, nói đúng ra là tất cả tư liệu trong đời đời kiếp kiếp. Không chỉ là tư liệu của chính mình, mà tư liệu trong kho tư liệu của người khác ta cũng có thể mượn dùng, chẳng có chút chướng ngại nào, thông suốt! Giống như nối vào mạng Internet hiện thời, may mắn chướng ngại đều chẳng có. Đối với kho tư liệu của Thích Ca Mâu Ni Phật, quý vị cũng có thể rút ra, giống như của chính mình vậy! Thọ, Tướng, Hành, Thức là tinh thần, Sắc là vật chất, những thứ này nếu chẳng tiếp nhận giáo huấn của thánh hiền sẽ tạo nghiệp, thân tạo nghiệp, Thọ, Tướng, Hành, Thức càng có thể tạo nghiệp. Vì sao? Đối với Lạc Thọ bèn tham ái, đối với Khô Thọ bèn oán hận. Quý vị thấy tham ái sẽ đi vào ngạ quỷ đạo, oán hận bèn vào địa ngục đạo. Tuy bản thân Tướng chẳng tạo nghiệp, nhưng Thọ và Sắc tạo nghiệp, vì sao? Chúng nghe theo sự chỉ huy của Tướng. Hành vô cùng chấp trước, chấp trước Ngã kiên cố. Do vậy, trong giáo pháp Đại Thừa đã nói tứ đại phiền não thường đi theo Hành, nó cũng là Ngã Chấp, lại còn là tham, sân, si, ngã ái, ngã mạn, ngã si. Mạn là sân khuê, là phiền não bầm sanh. Thân chúng ta hiện thời là thân Ngũ Âm, “*cộng tương tôi diệt*” (hủy diệt lẫn nhau). “*Cộng tương tôi diệt*” đặc biệt nói về sanh, lão, bệnh, tử, đó là tướng hủy diệt. Nếu chúng ta chú tâm quan sát xã hội hiện tại, sẽ thấy tham, sân, si, mạn chẳng có chừng hạn, mặc sức tạo tác, kết thành quả báo trong đời này như quý vị đã thấy, ba bốn chục tuổi đã chẳng còn mạng nữa.

Chúng ta tin tưởng thọ mạng của kẻ ấy không chỉ là ba, bốn mươi tuổi, phải nên là sáu, bảy mươi tuổi, vì sao ba, bốn mươi tuổi mà đã chết mất rồi? Chính mình hủy hoại, phá hư chính mình, trong xã hội hiện thời, hiện tượng ấy quá nhiều.

3) Loại thứ ba là Tử Ma, vì sao gọi Tử là Ma? Đạo nghiệp của quý vị còn chưa tu thành công, thọ mạng đã hết, đó là ma chướng. Có cách nào đối phó ma chướng ấy hay không? Có, đoạn ác, tu thiện, tích công lũy đức, có thể kéo dài thọ mạng. Chư vị hãy đọc kỹ Liễu Phàm Tứ Huấn, tôi học Phật, cuốn sách đầu tiên tôi xem là cuốn sách ấy, do Châu lão tiên sinh đưa cho. Vị lão tiên sinh ấy là người Chiết Giang, ngang vai vế với ông nội tôi. Tôi mới hai mươi bốn, hai mươi lăm tuổi, vị lão tiên sinh ấy đã sáu mươi tám, sáu mươi chín tuổi, tôi quen biết cụ là do bạn bè giới thiệu. Cụ là một Phật giáo đồ kiên thành, là đệ tử của Ân Quang đại sư, là bạn học của lão cư sĩ Lý Bình Nam, là sư huynh, sư đệ. Thuở đó, tôi còn rất trẻ, cụ rất thích tôi, tặng cho tôi một quyển Liễu Phàm Tứ Huấn để xem, tôi đọc xong rất cảm động. Những tật xấu của tiên sinh Liễu Phàm thuở trẻ, tôi xét thấy chính mình đều có đủ. Không chỉ đã có lỗi mà còn chẳng có lỗi nào chịu thua sút! Tiên sinh còn có một ưu điểm mà so với ông ta, tôi vẫn chẳng có. Do vậy, tôi đọc một hơi gần như là hơn một tháng, đại khái chừng hai tháng, tôi đọc tới ba mươi lần. Khi tôi đọc là đọc nguyên văn, chẳng có chú giải, cảm xúc rất sâu, mới biết cả một đời người đều [bị chi phối bởi] mạng, chẳng có nửa điểm do con người quyết định. Tiên sinh Viên Liễu Phàm được một thầy tướng số là Không tiên sinh đoán sẵn số mạng, vận hạn mỗi năm trong suốt hai mươi năm chẳng sai sót mấy may. Ông ta là người đọc sách, hàng năm đi thi, thứ hạng đỗ đạt đúng như đã đoán định. Tú Tài thuở ấy được hưởng bổng lộc của quốc gia, quốc gia nuôi quý vị, quý vị chẳng cần làm gì mà vẫn sống được, ngô hầu quý vị chuyên tâm học hành. Hàng năm, quốc gia cấp cho ông ta bao nhiêu đó gạo, thuở ấy dùng gạo tẻ, có đến mấy chục thạch gạo, đủ cho ông ta sống. [Không tiên sinh tiên đoán] chẳng sai tí nào, nên ông ta tin tưởng, khăng khăng một mực tin tưởng vận mạng, vọng niệm gì cũng chẳng có. Vì sao? Vọng niệm vô dụng, vậy thì cần gì phải dấy vọng niệm?

Có một lần, ông ta đến núi Thê Hà thăm thiền sư Vân Cốc, nơi này nay là núi Thê Hà, Nam Kinh, cùng thiền sư Vân Cốc hai người ngồi tại Thiền đường suốt ba ngày ba đêm, chẳng có một vọng niệm nào. Thiền sư Vân Cốc rất kinh ngạc, thỉnh giáo Viên tiên sinh: “Ông dùng công phu gì vậy? Một người ngồi ba ngày ba đêm trong Thiền đường, chẳng khởi một niệm, chẳng dễ dàng! Tiên sinh Liễu Phàm thưa: “Con chẳng có công phu gì, chỉ là vận mạng đã được người khác đoán sẵn. Hai mươi năm qua, mỗi năm đi thi, thứ hạng đỗ đạt, bổng lộc quốc gia cấp phát mỗi năm chẳng sai mấy may. Con còn nghĩ tưởng gì nữa?” Thiền sư Vân Cốc nghe xong ha hả cười to: “Tôi ngỡ ông là thánh nhân, hóa ra ông vẫn là một kẻ phàm phu”. Được hỏi tới, tiên sinh Liễu Phàm cũng rất kinh ngạc: “Vì sao con là phàm phu?” Thiền sư Vân Cốc phân tích: “Phàm phu chẳng thể nào không có vọng niệm, lẽ đâu chẳng thể có vận mạng? Điều có vận mạng, chỉ vì kẻ bình phàm vẫn suy nghĩ lung tung, chẳng biết vận mạng của chính mình. Bất quá ông rất may mắn, ông biết vận mạng của chính mình nên không nghĩ tới. Đó chẳng phải là công phu, nên ông vẫn là một phàm nhân. Chẳng phải là nhập định, nhập định có thể chế phục vọng niệm. Ông chẳng khởi vọng niệm không do công phu định lực!” Sư dạy ông ta: “Vận mạng có thể thay đổi!” Câu nói ấy khiến tiên sinh Liễu Phàm nảy sinh hứng thú, có thể thay đổi vận mạng ư? Đúng vậy! Cách thay đổi như thế nào? Sư dạy ông ta sám hối, đoạn ác, tu thiện,

trong sách Tứ Huấn đã viết rất cặn kẽ. Sư bảo ông ta: “*Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng*”. Trong mạng ông ta chẳng có công danh, cũng có thể nói là học hành chỉ đậu Tú Tài mà thôi. Nếu đi thi Cử Nhân hoặc Tiến Sĩ sẽ chẳng có phần, trong mạng chẳng có mà! Trong mạng chẳng có con cái, thọ mạng chỉ có năm mươi ba tuổi, cả đời quan tước cao nhất là làm huyện trưởng một huyện bé tí ở Tứ Xuyên. Đó là vận mạng do Không tiên sinh đã tiên đoán cho ông ta.

Thiền sư Vân Cốc giúp ông ta, đưa cho ông ta Công Quá Cách. Công Quá Cách là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, nương theo Thái Thượng Cảm Ứng Thiên hòng khéo tu tập. Trong Cảm Ứng Thiên giảng “nhân lành quả lành, nhân ác báo ác”, tổng cộng giảng một trăm chín mươi lăm điều. Hằng ngày phản tỉnh, hễ có lỗi phải sửa đổi. Mỗi ngày chính mình kiểm điểm khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác của chính mình. Ông ta thật sự làm, phát tâm muốn làm ba ngàn chuyện tốt, ba ngàn chuyện tốt lợi ích đại chúng, lợi ích xã hội, mười năm mới làm viên mãn. Tâm vừa phát, năm thứ hai đi thi, thứ hạng đổi khác. Năm thứ hai đi thi, Không tiên sinh đoán ông Viên sẽ đậu hạng ba, ông Viên đậu hạng nhất, ngay lập tức chẳng đúng! Ông ta biết thiền sư Vân Cốc dạy cách [sửa đổi vận mạng ấy] ấy là thật, chẳng giả. Ông ta cầu công danh, đi thi vài lần, thật sự thi đỗ. Trong mạng chẳng đỗ Cử Nhân, nhưng đỗ được. Mạng không có Tiến Sĩ vẫn đậu. Không có con cái, ông ta cầu Phật, cầu Bồ Tát, thật sự sanh được một đứa con ngoan ngoãn, làm quan cũng to, làm đến chức Tri Huyện huyện Bảo Trì, trực tiếp thuộc quyền quản trị của hoàng đế. Thọ mạng chẳng cầu sống lâu, tự nhiên tăng thọ, sống đến bảy mươi bốn tuổi. Quý vị thấy đó, vốn là thọ năm mươi ba tuổi, nhưng sống đến bảy mươi bốn tuổi, sống lâu hơn hai mươi năm. Do vậy, chính mình có thể làm chủ sanh tử, chẳng vì chính mình. Ta có thọ mạng dài hơn một chút, sẽ làm thay cho xã hội, làm thay cho những người khổ nạn nhiều chuyện hơn, vì đại chúng phục vụ, thọ mạng của quý vị chẳng còn là của chính quý vị nữa! Thọ mạng của chính quý vị có hạn độ, sau đó thì sao? Sau đó, quý vị vì người khác, vì thành tựu đạo nghiệp, thành tựu đạo nghiệp nhằm phổ độ chúng sanh, nên thọ mạng kéo dài, đạo lý là như vậy đó! Phước báo do chính mình tu, cộng thêm phước báo của chúng sanh, [thọ mạng] tự nhiên kéo dài, nhất là đối với Đại Thừa Phật pháp, thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch: Chẳng có sanh tử! Chuyện sanh tử giống như quần áo chúng ta mặc đã dơ bẩn bèn thay một bộ quần áo mới, cởi ra. Xác thân này quá già, thời gian sử dụng đã quá lâu, sử dụng chẳng thuận tiện cho lắm, bèn đổi lấy cái mới, chuyện là như vậy đó! Vì thế, sanh tử chẳng có mảy may thống khổ gì, thay đổi thân thể để quay lại tiếp tục học tập. Thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch điều này. Vì thế, người thật sự hiểu rõ thân thể, ngày càng thay đổi tốt đẹp hơn: Đời này là thân người, đời sau đổi thành thân trời, thân chư thiên tốt hơn thân thể này rất nhiều, càng thay đổi càng tốt đẹp hơn. Nếu là một kẻ mê hoặc, trong Phật pháp gọi [kẻ ấy] là “người ngu si”, chẳng biết điều này, tham sống, sợ chết, lại còn tạo tác cả đống tội nghiệt. Do vậy, thân thể càng thay đổi càng tệ! Đời này mang thân người, đời sau đổi làm thân súc sanh, như vậy là kém cõi quá nhiều. Thân súc sanh lại đổi thành thân ngựa quý, chẳng phải là càng đổi càng tệ hơn ư? Do vậy, người thông minh liễu giải chân tướng sự thật này, học Phật bèn có thể đối phó được!

Tôi chịu ảnh hưởng rất lớn từ Liễu Phàm Tứ Huấn. Một đời này, mạng tôi kém hơn mạng tiên sinh Liễu Phàm rất nhiều, nay có thể vượt trội ông ta, là vì trong đời này gặp gỡ Phật pháp, [những gì tôi có là] do tu từ Phật pháp, chứ không phải là trong mạng đã có.

Trong mạng tôi không có của cải, nay muốn làm một ít việc, cần bao nhiêu tiền sẽ có người đưa đến. Chuyện lạ lùng là tôi cũng chẳng phải hỏi xin tiền ai, cũng chẳng hóa duyên, quyên mộ người khác, cứ tự nhiên mà có. Về thông minh, trí huệ thì giảng kinh năm mươi hai năm, mỗi năm một khác. Có những vị đồng học lâu năm đã nghe tôi giảng kinh trong quá khứ, quý vị biết tôi giảng kinh cảnh giới mỗi năm một khác. Về thọ mạng, tuổi thọ của tôi chỉ là bốn mươi lăm tuổi. Lúc bốn mươi lăm tuổi, đúng là bị bệnh một trận. Tôi trước nay chưa từng bị bệnh, chưa nằm nhà thương, cả đời này chưa nằm bệnh viện. Lần ngã bệnh ấy, tôi biết rõ thọ mạng đã tới, chẳng tìm thầy thuốc, cũng chẳng cần uống thuốc. Bác sĩ chỉ có thể chữa bệnh, chẳng chữa được mạng. Mạng đã tới, tìm bác sĩ vô dụng! Do vậy, tôi niệm Phật cầu vãng sanh, niệm một tháng bèn lành bệnh. Đó là Phật, Bồ Tát gia hộ. Nếu tôi mất lúc bốn mươi lăm tuổi, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì phải là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Quý vị thấy hiện nay tôi tám mươi bốn tuổi, gần như sống lâu hơn bốn mươi năm. Tiên sinh Liễu Phàm chỉ sống lâu hơn [tuổi thọ đã định] hai mươi năm, tuổi thọ tôi tăng gấp đôi ông ta. Sau bốn mươi năm ấy, nếu hiện thời tôi vãng sanh, đại khái có thể là thượng bồi vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, tăng lên không ít, không có thời gian sẽ chẳng được! Vì vậy, phải dùng thọ mạng để làm gì? Dùng để tăng cao cảnh giới của chính mình, đó là có ý nghĩa, chứ không phải để hưởng thụ trên thế gian. Hưởng thụ là trật mất rồi, thọ mạng đã bị lãng phí. Hãy nên không ngừng nghiêm túc học tập để nâng cao cảnh giới của chính mình, tăng tấn phẩm vị vãng sanh của chính mình trong thế giới Cực Lạc. Chúng tôi cảm tạ Phật, Bồ Tát ban cho tôi thọ mạng, thọ mạng để làm gì? Thọ mạng của tôi để đến làm chuyện này!

Vì vậy, tuổi tác đã cao, đọc kinh, niệm Phật, giảng kinh vui sướng chẳng mệt, những chuyện khác hoàn toàn buông xuống, chẳng có nữa! Cuộc sống tùy ngộ nhi an, tùy duyên sống qua ngày, quý vị nói xem có tự tại lắm hay không? Thứ gì cũng không có, nhưng thứ gì cũng đều chẳng thiếu thốn, đó là phước báo thật sự. Quý vị thứ gì cũng đều có, thứ gì cũng đều bận tâm. Quý vị nghĩ xem: Nếu quý vị có nhà để ở, có phải quan tâm nhà cửa hay không? Tôi thì ngay cả nhà ở cũng chẳng có, thứ gì cũng đều chẳng phải bận lòng! Không có nhà để ở, nhưng mỗi ngày đều có căn nhà tốt đẹp để ở, nhà của người khác thì chính người ấy phải lo toan mọi lẽ! Tôi không có xe, quý vị thấy tôi ra khỏi cửa đều có xe để ngồi, xe chẳng phải của tôi, tôi cũng chẳng phải chăm sóc, yên tâm lên đường! Còn có nhiều người như thế kiếm tôi mời tôi đi giảng kinh thì tôi phải đi, nhiều năm như thế, tôi đã đi khắp thế giới. Trên đường lữ hành, trên thân tôi chẳng có tiền, máy bay bao nhiêu tiền một vé tôi không biết, toàn là do người ta mua sẵn gởi cho, chẳng bận tâm tí nào! Nếu quý vị có tiền, tự mình mua vé, rất phiền! Lại còn phải xếp hàng, quý vị nói xem có phiền lắm hay không? Vì thế, học Phật là hết thảy đều buông xuống, thật sự đắc tự tại!

4) Thứ tư là Thiên Ma, Thiên Ma là cảnh giới bên ngoài. Ba loại trước đều là chính mình: Phiền não là chính mình, Ngũ Âm là bản thân, sanh tử cũng thuộc về chính mình. Bên ngoài đến quấy nhiễu đều gọi là Thiên Ma, thuộc về hoàn cảnh bên ngoài. Bên trong là phiền não, tham, sân, si mạn, nghi. Bên ngoài là gì? Bên ngoài là Ngũ Dục, tức tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Những thứ đó ở bên ngoài, là ngoại ma đến cám dỗ, mê hoặc quý vị. Nếu quý vị có trí huệ có thể không chế phiền não, phiền não chẳng khởi tác dụng, quý vị đã hàng ma! Vì thế, “*dĩ Định Huệ lực, hàng phục ma oán*” (dùng sức Định Huệ hàng phục ma oán), quý vị có công phu định lực sẽ không bị quấy nhiễu, mê hoặc. Quý

vị có trí huệ, trí huệ có thể thấy rõ ràng, tà - chánh phân minh, xa lìa tà ác, gần gũi Phật, Bồ Tát. Người thế gian hưởng lạc, quý vị thấy họ hưởng thụ loại lạc nào? Phiền Não, Ngũ Âm Ma và Thiên Ma hợp lại, họ hưởng loại lạc ấy. Phía sau niềm vui ấy có nỗi khổ, nên nói là nỗi khổ “*cực lạc sanh bi*” (vui quá hóa buồn). Không chỉ có khổ, mà còn có tai nạn. Tai nạn nhỏ là thân tâm nhiễm bệnh, hủy hoại sức khỏe, tai nạn lớn thì hậu hoạn vô cùng. Có nên tiếp cận những thứ ấy hay không? Đã nhận biết rõ ràng, minh bạch bốn loại đại ma ấy rồi, chúng ta biết chúng nó tồn tại. Chúng lại còn ở cạnh chúng ta, thời thời khắc khắc chẳng rời khỏi! Chỉ cần quý vị thiếu cẩn thận, sẽ rơi vào ma chướng (bàn tay ma, ý nói bị ma không chế). Thời thời khắc khắc hãy đề cao cảnh giác, chẳng để cho chúng nó quấy nhiễu. Chúng chẳng thể quấy nhiễu quý vị, sẽ biến thành hộ pháp, lại có thể giúp đỡ quý vị, đó là chuyện tốt đẹp. Giúp đỡ quý vị thì chúng ta có thể làm bạn với họ, có thể cảm hóa họ, đối với cảnh giới bên ngoài giúp họ quay đầu là bờ, giúp kẻ ấy chuyển tà thành chánh, chuyển ác thành lành, chuyển mê thành ngộ, đó là chuyện tốt đẹp. Quan trọng nhất là chính mình phải là Chánh, hạnh phải chánh thì quý vị mới có thể cảm hóa người khác, tự hành rồi thì sau đây mới có thể hóa độ người khác.

Chúng ta đọc lời lão cư sĩ nói trong phần sau: “*Kim kinh sở hàng phục giả chỉ thiên ma*” (nay loại ma được hàng phục trong kinh này là thiên ma), trong bốn thứ ma, đặc biệt nói đến thiên ma. Chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật đối phó với thiên ma ra sao? “*Như Bà Sa Luận vân*” (như luận Tỳ Bà Sa<sup>2</sup> nói), đây là một bộ luận trong kinh điển nhà Phật, trong luận ấy đoạn như thế này, trích lục: “*Bồ Tát tích cư Bồ Đề thụ hạ, sơ dạ, ma nữ lai tương my loạn, trung dạ, ma quân tổng lai bức não, tu du giác sát tức nhập Từ Định, linh ma bình chúng tồi bại đọa lạc*” (Thuở trước Bồ Tát ở dưới cội Bồ Đề, đầu đêm, ma nữ đến quấy nhiễu loạn, giữa đêm ma quân ủa đến bức bách não hại, trong khoảnh khắc, Bồ Tát nhận biết liền nhập Từ Định, khiến cho quân ma tan vỡ, thất bại, đọa lạc). Trong luận ấy cũng là trích dẫn kinh văn, trong tám tướng thành đạo của Phật có ghi chép điều này. Đức Phật vừa mới thành đạo, đại triệt, đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đã thành Phật, khi ấy, ma đến gây rối, ma hiện thành gì? Hiện thân người nữ đến cám dỗ, mê hoặc Thích Ca Mâu Ni Phật. Đức Phật nhập định chẳng bị bọn họ quấy nhiễu. Những kẻ ấy đều do Ma Vương sai đến. Cách thức này không dùng được vì Thích Ca Mâu Ni Phật không quan tâm, lại tiến thêm bước nữa, sai ma quân, lũ yêu ma quỷ quái đến bức bách, gia hại Ngài. Nói đúng ra là muốn làm tổn thương, làm hại Ngài, muốn lấy mạng Ngài. Thích Ca Mâu Ni Phật lại nhập Định, trong Định, những đao, thương, côn, gậy đều ủa tới công kích Thích Ca Mâu Ni Phật. Khi đao thương sắp chạm đến Phật, Phật liền có một đóa sen ngăn đỡ đao thương, ma chẳng có cách nào tổn hại đức Thế Tôn, do vậy, rút lui. Đối với cửa ải hàng ma này, ma dùng các thứ phương pháp để cám dỗ, mê hoặc, quý vị phải chịu được khảo nghiệm. Ma đầu hàng, cũng biến thành hộ pháp.

---

2 Bộ luận này có tên gọi đầy đủ là A Tỳ Đạt Ma Đại Tỳ Bà Sa Luận (Abhidharma Mahāvibhāsa Śāstra), thường gọi là Đại Tỳ Bà Sa Luận, chính là sách chú giải bộ Phát Trí Luận (Jñānaprasthāna Śāstra). Tỳ Bà Sa Luận được coi là luận điển tối cao của Nhất Thiết Hữu Bộ. Theo truyền thống, bộ luận này được coi là công trình của năm trăm vị A La Hán kết tập khoảng sáu trăm năm sau khi đức Phật diệt độ, nhưng người có công biên tập, hệ thống là ngài Ca Chiên Diên Phát (Katyāyāniputra). Hiện thời, có hai bản dịch bộ luận này, một là do ngài Huyền Trang dịch gồm hai trăm quyển và một dịch bản cổ hơn do hai vị Phù Đà Bạt Ma (Buddhavarman) và Đạo Thái dịch vào Bắc Lương.

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: “*Hựu Tây Vực Ký vân*” (lại nữa, sách Tây Vực Ký chép), đây là bút ký Tây Du của Huyền Trang đại sư. Ngài sang Ấn Độ thỉnh kinh, trong nhật ký của Ngài có một đoạn như thế này: “*Tập chư thần chúng, tề chỉnh ma quân, trị binh chán lữ, tương hiệp Bồ Tát*” (Nhóm các thần chúng, tề chỉnh ma quân, sắp bày quân ngũ, kéo đến bức bách Bồ Tát). Nói rõ sự hàng ma, nói khá tỉ mỉ: Ma vương triệu tập các quỷ thần, những loài ma quân ấy đều nghe lệnh Ma Vương toan đến đối phó Bồ Tát. Bồ Tát trải qua việc này mới thành đạo. Đây là khảo nghiệm. Để thành Phật, Bồ Tát, cuối cùng còn phải trải qua cửa ải này, phải trải qua năm cửa ải tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, mỗi cửa ải đều phải vượt qua, chẳng bị cám dỗ, mê hoặc, có thể chịu đựng sự khảo nghiệm. Ma vương Ba Tuần làm các chuyện này để uy hiếp Bồ Tát, “*Bồ Tát u thị nhập Đại Từ Định*” (ngay khi đó, Bồ Tát nhập Đại Từ Định), giống như “*nhập Đại Từ Định*” đã nói trong phần trên. “*Phàm quyết binh trượng*” (phàm các binh khí của bọn chúng), tức là những thứ binh khí và vũ khí do bọn họ xách đến, thả đều biến thành hoa sen. Toàn bộ đao, thương, côn, bồng chúng cầm trên tay đều biến thành hoa sen. Ma thấy vậy, kinh hãi, bỏ chạy, rút lui. “*Dĩ thương câu biểu Bồ Tát Định lực*” (những điều trên đây đều biểu thị Định lực của Bồ Tát), Định có thể hàng ma, Huệ có thể cảm hóa ma. “*Hựu Trí Độ Luận vân: Bồ Tát trí huệ lực cố, đại phá ma quân, tác hiển Bồ Tát Huệ lực*” (Lại nữa, Trí Độ Luận viết: “Do sức trí huệ của Bồ Tát nên đại phá ma quân, hiển thị Huệ Lực của Bồ Tát”), quý vị thấy Định Lực và Huệ Lực [đều được vận dụng]. “*Thị cố kinh vân: ‘Dĩ Định Huệ lực, hàng phục ma oán’. Oán chỉ oán gia*” (Vì thế, kinh nói: “Dùng sức Định Huệ hàng phục ma oán”. “Oán” chỉ oán gia), nay chúng ta nói là “oán thân trái chủ”, chúng ta phải học điều này. Nay chúng ta bắt đầu học Phật, những điều gây chướng ngại cho chúng ta rất nhiều, chúng ta muốn đến đây nghe kinh, nhưng bạn thân của quý vị gọi điện thoại hẹn sẵn, khiến cơ hội của quý vị bị phá hoại. Đó là gì? Ma chướng đạo. Kẻ ấy do lòng tốt mời quý vị đi chơi, [tức là ma] ở ngay trong cuộc sống hằng ngày, ở quanh ta. Hôm nay quý vị muốn định tâm, muốn niệm Phật, tính lạy Phật thì có người đến tìm quý vị, quý vị biết đó là ma đến quấy nhiễu. Khi ấy, quý vị tùy thuận giáo huấn của Phật, Bồ Tát, hay tùy thuận ý nghĩ của ma đi theo họ? Lúc ấy do chính quý vị chọn lựa. Chọn lựa đạo nghiệp thì trong tương lai quý vị có thành tựu. Quý vị chọn lựa thù tạc, đi theo ma, đạo nghiệp sẽ bị hủy mất. Từ sơ phát tâm cho đến khi thành Phật, Phật luôn giúp chúng ta, ma cũng luôn nhiều loạn chúng ta, năm mươi, năm mươi! Máu chột thành bại chẳng tại Phật, cũng chẳng do ma, mà do chính mình quyết định. Nếu chính mình có thể kiên trì, một phương hướng, một mục tiêu, chẳng có ai không thành tựu. Nếu phương hướng của quý vị quá nhiều, mục tiêu quá nhiều, chắc chắn quý vị chẳng thể thành tựu. Không thể thành tựu thì chắc chắn vẫn luân hồi trong lục đạo. Phải thấy rõ luân hồi trong lục đạo rất khổ, khổ chẳng thể nói nổi. Thật sự hiểu rõ, thật sự minh bạch, chẳng còn muốn luân hồi nữa. Thời gian trong lục đạo rất dài, đời đời kiếp kiếp trong quá khứ đã chịu lắm nỗi khổ sở oan uổng dường ấy. Bao nhiêu đồng tham đạo hữu đều đã thành Bồ Tát, thành Phật, nhưng chúng ta vẫn luân hồi trong lục đạo, chính mình phải gánh lấy trách nhiệm ấy.

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: “*Đắc vi diệu pháp, thành tối Chánh Giác*” (đắc pháp vi diệu, thành Chánh Giác cao tột). “*Hàng ma*” là chẳng còn bị trong ngoài quấy nhiễu, đạo nghiệp của quý vị thành tựu, do vậy, đã thành Phật. “*Thử nhị cú thị đệ lục tướng, thành đạo chi nghĩa. Vi diệu giả, Duy Ma Kinh viết: Vi diệu thị Bồ Đề, chư pháp nan tri cố*” (Hai câu này nói lên ý nghĩa của tướng thứ sáu tức thành đạo. “Vi diệu” là như kinh

Duy Ma đã nói: “Vi diệu là Bồ Đề, do các pháp khó biết”). “*Vi diệu*” là gì? Vi diệu là Bồ Đề. Bồ Đề (Bodhi) là tiếng Ấn Độ, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Đại Giác, đại triệt đại ngộ là vi diệu. “*Bồ Đề giả, Phật chi tri kiến, diệt tức Thật Tế Lý Thể, đương nhân tự tánh*” (Bồ Đề là tri kiến của Phật, cũng chính là Thật Tế Lý Thể, là tự tánh của đương nhân). Giảng rất rõ ràng, “vi diệu” là gì? Minh tâm kiến tánh, đó là vi diệu. Trong Hoàn Nguyên Quán, nó được gọi là “*tự tánh thanh tịnh viên minh thể*”. Quý vị đã chứng đắc, tìm được cội nguồn của vũ trụ và nhân sinh, đó là viên thành Phật đạo trong Phật pháp. Tốt đẹp ở chỗ nào? Những chỗ tốt đẹp quá nhiều, chỉ cần tìm được điều này, quý vị hoàn toàn đạt được trọn khắp pháp giới hư không giới. Giống như đối với hình tròn, quý vị đã tìm được cái tâm của nó, bất cứ điểm nào trên vòng tròn cũng đều dẫn thẳng đến cái tâm, quý vị hoàn toàn tìm được. Giống như đức Phật đã giảng trong kinh, trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn, tánh tướng như trong kinh giáo đã nói (tánh thể của vạn pháp trong vũ trụ, hiện tượng), Lý, Sự, nhân quả, chẳng sót một pháp nào. Hễ đạt được điều này (Bồ Đề), sẽ đạt được hết thấy, trí huệ, thân thông, và đạo lực của quý vị chẳng khác gì chư Phật Như Lai, Tỳ Lô Giá Na Phật, và A Di Đà Phật. Quý vị đã thành tựu, thành tựu viên mãn!

Tri kiến của Phật là như trong kinh Pháp Hoa đã nói “*nhập Phật tri kiến*”, Phật tri Phật kiến, nói đơn giản là “*không gì chẳng biết, không gì chẳng thấy*”. Quý vị chính mắt thấy. Vì sao? Quý vị ở trong đại định, thành Phật là vĩnh viễn ở trong Định Huệ, đi, đứng, ngồi nằm đều trong Định. Định ở đây không chỉ là ngồi khoanh chân nhìn vào vách mới là Định. Đó là lúc mới học, học tu Định. Sau khi tu Định thành công, trong hết thấy thời, hết thấy chỗ đều ở trong Định. Vì sao? Sáu căn tiếp xúc cảnh giới Lục Trần bên ngoài, quý vị chẳng chấp trước, chẳng phân biệt, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, có phải là Định hay chẳng? Làm mọi việc như vậy, giúp đỡ vô lượng vô biên chúng sanh khổ nạn, nhưng chính người ấy ở trong Định, có cần phải xuất Định để làm mọi việc hay không? Chẳng cần! Chẳng xuất hay nhập Định, hoàn toàn ở trong Định. Chúng ta phải liễu giải điều này. Nhập Định có thể thấy, xuất Định bèn có thể làm việc, đó là Tiểu Định, [là Định của] Tiểu Thừa A La Hán, Bích Chi Phật, chứ Đại Thừa Bồ Tát không như vậy. Từ kinh Địa Tạng chúng ta thấy mẹ cô Quang Mục đã mất, cô biết mẹ lúc còn sống tạo tội nghiệp rất nặng, chắc chắn đọa ác đạo, bèn cúng dường A La Hán, cầu A La Hán giúp đỡ, nhìn xem mẹ cô đang ở nơi đâu. A La Hán phải nhập Định, nhập Định trông thấy, khi xuất Định, bảo cho cô ta biết tình hình. Tiểu Thừa có xuất nhập, nhưng Pháp Thân Bồ Tát chẳng xuất nhập, do đã kiến tánh. A La Hán chưa kiến tánh, đối với ba tầng chướng ngại chỉ đoạn một tầng, tức là chẳng chấp trước, nhưng vẫn còn phân biệt, còn có khởi tâm động niệm. Pháp Thân Bồ Tát khởi tâm động niệm cũng đã đoạn, nên chẳng xuất nhập Định, thật sự đắc đại tự tại.

Thật Tế Lý Thể: Câu này có một thuật ngữ tương đương trong Triết Học hiện đại là “bản thể của vũ trụ vạn hữu”, bản thể là gì? Có thể sanh ra muôn hình tượng trong vũ trụ, nó cũng là tự tánh, chính là tự tánh. Danh từ Phật pháp là tự tánh, danh từ Triết Học là bản thể, cổ nhân Trung Quốc gọi nó là bản tánh, [những danh từ ấy] nhằm chỉ điều này, bản tánh bản thiện (bản tánh vốn lành). Dùng Phật pháp để giải thích thì “*bổn thiện*” có nghĩa là Thật Tế Lý Thể, là Phật tri Phật kiến, như vậy thì mới gọi là “*bổn thiện*”. Dùng Phật pháp để giải thích học thuật truyền thống của Trung Quốc, nâng cao nó lên, nâng cao tới cảnh giới viên mãn!

“*Kinh vân: Phi thị ngữ ngôn, phân biệt chi sở năng tri. Cố vân vi diệu nan tri*” (Kinh nói: Chẳng phải là do ngôn ngữ, phân biệt mà có thể biết được, nên nói là “vi diệu, khó biết”). Chuyện này ngôn ngữ chẳng thể diễn tả được, chẳng gán cho nó danh từ, thuật ngữ nào được, chỉ có chứng mới biết. Chỉ cần quý vị buông khởi tâm động niệm xuống, nó sẽ hiện tiền, quý vị sẽ biết. Quý vị tuy biết, vẫn chẳng thể diễn tả được, trong giáo pháp Đại Thừa có một câu tỳ dụ: “*Như nhân ẩm thủy, lãnh noãn tự tri*” (như người uống nước, lạnh nóng tự biết). Một người uống một chén nước, quý vị hỏi người ấy nước có nóng hay không? Nói không được! Cảm nhiệt kế để đo cũng đo không ra, ắt phải do chính quý vị uống thì mới biết rõ! Vì sao? Mỗi người cảm giác khác nhau, tôi uống thấy độ ấm rất hợp, nhưng có thể là người khác uống bèn cảm thấy nóng quá, một người khác nữa cảm thấy quá lạnh, mỗi cá nhân cảm giác khác nhau, làm sao có thể nói được? Đó là hàm nghĩa trong hai chữ Vi Diệu, “*vi diệu nan tri*”. “*Dữ vi diệu thị Bồ Đề dã*” (và “vi diệu là Bồ Đề”): Bồ Đề là Chánh Giác, “*đương nhân Chánh Giác*” tức là Chánh Giác của chính mình. Chánh Giác của tôi thì quý vị làm sao có thể biết được? Chánh Giác của quý vị, kẻ khác cũng chẳng biết. Chỉ có người công phu cao hơn quý vị mới biết, hoặc kẻ có công phu ngang bằng quý vị là biết. A La Hán biết A La Hán, chẳng biết Bồ Tát; Bồ Tát biết Bồ Tát, mà cũng biết A La Hán. Biết [cảnh giới] của người thấp hơn vị ấy, “*vi diệu*” mang ý nghĩa này.

Trong Tịnh Ảnh Sớ có nói: “*Lý thị diệu pháp, do đắc thử pháp, cố thành Chánh Giác*” (Lý là diệu pháp, do đắc pháp ấy, nên thành Chánh Giác). Lý cũng là Thể, nó là diệu pháp, hết thấy diệu pháp do nó mà có. Nếu quý vị hiểu rõ Lý Thể ấy, đã thấy, bèn thành Chánh Giác. Lý Thể viên mãn là tự tánh viên mãn, Pháp Thân Bồ Tát chứng đắc [Lý Thể]. Thanh Văn, Duyên Giác chứng đắc một phần Lý Thể, chẳng viên mãn. Nói chung, chưa viên mãn sẽ không ra khỏi mười pháp giới, tuy đã vượt thoát lục đạo, nhưng chưa thể vượt khỏi mười pháp giới. Nếu chứng đắc viên mãn, sẽ vượt thoát mười pháp giới. Lý được nói ở đây chỉ Thật Tế Lý Thể. Thật Tế Lý Thể là tự tánh. Minh tâm kiến tánh, thật sự minh tâm kiến tánh, “*thành Chánh Giác*” là thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lý này nếu nói hạn cuộc, chẳng viên mãn, thì đó là Chánh Giác được chứng bởi A La Hán. Cái được chứng đắc bởi A La Hán, bởi Bồ Tát, hay bởi Phật đều là một Lý Thể, nhưng có cạn hay sâu khác nhau. A La Hán chứng nhập nông cạn, Bồ Tát chứng nhập sâu, Phật chứng đắc rốt ráo viên mãn, thấy đều là nói về tự tánh. “*Hựu Trường A Hàm Kinh viết: Như Lai đại trí, vi diệu độc tôn*” (Lại nữa, kinh Trường A Hàm nói: “Như Lai đại trí, vi diệu độc tôn”), A Hàm là kinh Tiểu Thừa. Lời tán thán này có lý, quả thật A La Hán xung tán Bồ Tát như thế. “*Độc tôn*” ở đây là “chỉ có thành Phật thì mới có thể chứng đắc”. Đối với những địa vị kém hơn Phật quả, cũng có nghĩa là từ bậc Đẳng Giác trở xuống, vẫn rành rành là kém hơn Phật!

“*Tổng thượng nhi ngôn*” (tổng hợp những điều trên đây để nói), đây là nói tóm lại, tổng kết rất nhiều những điều do các vị tổ sư đại đức đã nói như trên đây thì “*đắc vi diệu pháp, tức khế Thế Tôn chi Phật trí, nhập Thật Tướng chi diệu lý, chứng chánh chân chi Bồ Đề. Cố thành Chánh Giác. Chánh Giác giả, Như Lai chi Thật Trí. Cố thành Phật viết thành Chánh Giác*” (“đắc vi diệu pháp” là khế nhập Phật trí của đức Thế Tôn, nhập diệu lý Thật Tướng, chứng Bồ Đề chánh chân. Vì thế, thành Chánh Giác. Chánh Giác là Thật Trí của Như Lai. Do vậy, “thành Phật” được gọi là “thành Chánh Giác”). Cách giảng này cũng

rất hay, “*khé Thế Tôn chi Phật tri*”, điều được chứng đắc bởi Thích Ca Mâu Ni Phật và hết thầy chư Phật là một, không hai, đây là “*nhập Thật Tướng chi diệu lý*”. Hai chữ Thật Tướng chỉ chân tướng của vạn pháp trong vũ trụ. Thật là chân thật, diệu lý về chân tướng. Chân tướng do đâu mà có? Vì sao có chân tướng? Lý Thể của chân tướng được gọi là Diệu, nó là tự tánh. Công năng và đức dụng trong tự tánh chẳng thể nghĩ bàn, không có cách nào tưởng tượng, gì cũng chẳng có, nhưng nó chẳng thiếu thứ gì, diệu ở chỗ này! Chúng ta hãy suy nghĩ, khi Huệ Năng đại sư khai ngộ, Ngài đã miêu tả Bồ Đề chân chánh, diệu lý Thật Tướng có hình dạng như thế nào? Ngài nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh*”. Nói theo cách bây giờ, “*nào ngờ tự tánh*” là chẳng nghĩ tự tánh vốn là thanh tịnh. Có bị nhiễm bản hay không? Chẳng có! Hiện thời, tự tánh của chúng ta có bị nhiễm bản hay không? Chẳng có! Chắc chắn chẳng bị nhiễm bản! Đọa súc sanh, đọa ngạ quỷ, đọa địa ngục đều chẳng bị nhiễm bản, đúng là thanh tịnh, là tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Không chỉ chẳng bị nhiễm bản, mà còn chẳng có sanh diệt, bất sanh, bất diệt!

“*Bốn tự cụ túc*” (vốn tự trọn đủ), “*cụ túc*” là gì? Trí huệ, đức năng, tướng hảo, cũng là trọn đủ hết thầy các pháp, vì sao? Hết thầy các pháp đều do tự tánh biến hiện, có thể hiện hết thầy các pháp. Kinh Hoa Nghiêm nói đến thế giới Hoa Tạng, phẩm Thế Giới Thành Tựu có nói “*vô lượng vô biên chư Phật sát độ*”. Trong chư Phật sát độ (các cõi nước của chư Phật) có cõi là tịnh độ, có cõi là uế độ. Uế độ giống như địa cầu của chúng ta, trạng huống đại khái giống nhau, thiên biến vạn hóa, trước nay chưa từng ngưng dứt. Tổng chỉ huy, vạch ra sách lược chung của những biến hóa ấy là ai? Thừa quý vị, ý niệm, tức là ý niệm của chúng ta. Chư Phật Như Lai thị hiện trong lục đạo, như Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện tại Ấn Độ vào ba ngàn năm trước, thị hiện tám tướng thành đạo, người vạch ra sách lược chung, tổng chỉ huy vẫn là chính chúng ta. Ngài là “*tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*” (thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng nhận biết của họ), diệu mà! Sách Hoàn Nguyên Quán gọi chuyện này là “*xuất sanh vô tận*”, gọi nó là “*diệu lý*”, pháp được gọi là “*diệu pháp*”. Đối với chữ Diệu này, diệu ở chỗ nào? Chẳng thể nói là nó có, mà cũng chẳng thể nói là nó không có. Đó là Diệu. Quý vị nói “*nó là có*” thì bản thể của nó chính là Không, trọn chẳng thể được. Quý vị bảo “*nó là không*”, nó lại thật sự hiện tướng. Tướng là huyền tướng, Lý là lý Không. Lý chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, sáu căn của chúng ta đều chẳng tiếp xúc được. Quý vị nhìn chẳng thấy, mà cũng chẳng nghe thấu, nghĩ cũng chẳng ra, sáu căn không có cách nào tiếp xúc. Nó tồn tại, chẳng phải là không tồn tại, điều này được gọi là Diệu. Lý diệu, Sự diệu, Tướng cũng diệu. Khi nào có thể thấy chân tướng? Khế nhập bèn thấy. Chưa khế nhập sẽ chẳng nhìn thấy. Khế nhập phải có công phu Định Huệ. Chưa có Định Huệ thật sâu thì đến khi nào sẽ định? Định do chúng ta tu tương ứng với tự tánh vốn định. Cổ đại đức nói “*tánh, tu bất nhị*”, tánh định là tự tánh vốn định. Huệ Năng đại sư nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn chẳng dao động*”, đó là tánh định. Nay tâm chúng ta loạn, vọng niệm quá nhiều, buông vọng niệm xuống như thế nào? Chúng ta tu Định, tu tương ứng với tự tánh vốn định, Thật Tướng của các pháp hiện tiền, hoàn toàn thấy rõ rệt. Khi ấy sẽ gọi là minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, người học Phật phải đặt vững mục tiêu ở nơi đây. Nay chúng ta ở trong thế gian này, tưởng tượng chẳng được, đức Phật dạy chúng ta một phương pháp: Trước hết, hãy về thế giới Cực Lạc, đến thế giới Cực Lạc theo A Di Đà Phật, vấn đề ấy sẽ được giải quyết, chúng ta bèn có thể chứng đắc. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây.